

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 909 /GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 4 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Quyết định số 4510/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà ga hành khách – Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi”;
Căn cứ Văn bản số 5550/BGTVT-MT ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận điều chỉnh hệ thống xử lý nước thải Nhà ga hành khách Cảng HKQT Cát Bi;
Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 389/CHKQTCB ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP và hồ sơ kèm theo Văn bản số 91/BC-CHKQTCB ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 145/TTr-STNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (địa chỉ tại Cảng hàng không Cát Bi, đường Lê Hồng Phong, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà ga hành khách – Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà ga hành khách – Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cảng hàng không Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh: 0311638525-005 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 5 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 12 năm 2021; Quyết định số 369/QĐ-HĐTV ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Nhà ga hành khách – Cảng hàng không quốc tế Cát Bi; Quyết định số 4973/QĐ-TCTCHKVN ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính Nhà nước liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại các Chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

1.4. Mã số thuế: 0311638525-005.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà ga hành khách – Cảng hàng không.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô, công suất: xây dựng Nhà ga hành khách mới có tổng diện tích sàn là 15.630 m², đáp ứng công suất 2.000.000 hành khách/năm; xây dựng hệ thống đường giao thông, bãi đậu xe, hệ thống thoát nước mặt và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

- Các hạng mục công trình: nhà ga hành khách (diện tích xây dựng 8.954 m² và diện tích sàn 15.630 m²); khu vực sân đỗ ô tô (6.305 m²); đường giao thông ra vào cảng (24.503 m²); đường tầng (4.766 m²); công trình phụ trợ, cây xanh, cỏ (97.871,3 m²).

- Phạm vi giấy phép môi trường không bao gồm việc thu gom, xử lý chất thải từ tàu bay do chủ các hãng hàng không trực tiếp ký Hợp đồng chuyển giao chất thải từ tàu bay với đơn vị có chức năng; không bao gồm hoạt động của nhà ga hành khách cũ, khu văn phòng 1 và 2, bãi đỗ xe (nhà ga cũ), nhà gửi xe hành khách, nhà ăn cơ quan, nhà trực an ninh, nhà gửi xe nội bộ, nhà làm việc của Đại diện Cảng Vụ hàng không tại Cát Bi, nhà để xe và phương tiện mặt đất, khu bay

và sân đỗ tàu bay (cũ), sân đỗ tàu bay (mới), hồ nước, đường công vụ, khu đỗ tàu bay Hành Tinh Xanh, đài kiểm soát không lưu Cát Bi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 07 tháng 04 năm 2023 đến ngày 07 tháng 04 năm 2030).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cty Cảng hàng không VN - CTCP;
- Cảng KHQT Cát Bi – CN Tổng Cty Cảng HK VN – CTCP.
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Công Thông tin điện tử TP;
- UBND quận Hải An;
- CV: MT;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Tùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 909 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên Nhà ga hành khách;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của khách hàng sử dụng dịch vụ Nhà ga hành khách;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của dịch vụ ăn uống tại Nhà ga hành khách.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà ga hành khách theo đường ống nhựa PVC (D160) được đặt bên trong công hộp BTCT thoát nước mưa (kích thước BxH: 500x800mm và BxH: 1400x1200mm) dẫn nước thải sau xử lý ra kênh An Kim Hải nhánh 3.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Kênh An Kim Hải nhánh 3, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 2303648,462 và Y (m) = 601631,995.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải bảo đảm có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra giám sát xả thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 250 m³/ngày đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải)**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý xả tự chảy bằng đường ống nhựa PVC D160 ra kênh An Kim Hải nhánh 3 theo phương thức xả mặt và xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24 giờ, xả liên tục trong năm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Tổng <i>Coliforms</i>	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01, 02, 03: Nước thải từ nguồn số 01, 02 và 03 theo các đường ống nhựa PVC (D100) về các hố thu (có 27 hố thu, tổng thể tích các hố thu là 74m³) tiếp đó tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải → hồ thu → máy tách rác → bể điều hòa → bể khử nitrat → bể hiếu khí MBBR → bể lắng → bể sau lắng → tháp lọc → bể khử trùng (nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A) → theo đường ống nhựa PVC (D160) → mương thoát nước mặt nội bộ → kênh An Kim Hải nhánh 3.

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Soda, PAC, Clo, mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào bể khử trùng.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa, không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường; khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa trong các bể xử lý thì thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh, không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường do Dự án đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 2001/STNMT-CCBVMТ ngày 31/5/2022 thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 909/GPMT-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X (m) = 2303628,9 và Y (m) = 601404,7.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 6 giờ đến 21 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 909 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bộ lọc dầu	15 01 02	Rắn	86	NH
2	Các chi tiết, bộ phận của phanh có amiăng	15 01 06	Rắn	103	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	Lỏng	121	NH
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	290	NH
Tổng				600	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường với thành phần là bùn nạo vét từ hồ thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 7,2 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 252 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy.
- Kho/khu vực lưu chứa: bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại, có diện tích khoảng 2,25 m², nằm trong khu tập kết chất thải gần hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Thiết kế, cấu tạo: tường xây gạch đặc dày 220 mm, nền bê tông, có gờ chắn tránh được nước mưa từ ngoài tràn vào; có rãnh thu và hồ thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng

cụ, thiết bị, vật liệu: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

- Hiện, Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi – Chi nhánh Tổng Công ty hàng không Việt Nam – CTCP đang ký Hợp đồng số 78/2022.VT/XLCTNH với Công ty Cổ phần Hoà Anh về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm phân định, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, lưu giữ các chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy.

- Diện tích kho: khoảng 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: tường xây gạch đặc dày 220 mm, mái lợp tôn; nền bê tông, có cao độ đảm bảo tránh ngập lụt, nước mưa từ ngoài tràn vào; cửa kho được làm bằng sắt (có khoá).

- Hiện, Công ty đang ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt số 39HA1-2022/HĐ-DV ngày 03/01/2022 với Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hải Phòng. Công ty có trách nhiệm phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn thông thường, lưu giữ các chứng từ chuyển giao chất thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 909/GPMT-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện cải tạo công trình xử lý nước thải trong trường hợp công trình hiện tại không đáp ứng việc xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

7. Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 25/12/2012 quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng./.
